

Số: 36/2018/QĐST-HNGĐ

Ninh Sơn, ngày 02 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa: Chị Ngô Ánh T1, sinh năm: 1995, địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Y và anh Phạm Phúc T2, sinh năm: 1991, địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Y.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Ngô Ánh T1 và anh Phạm Phúc T2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Hai người có 02 người con chung là cháu Phạm Ánh T3, sinh ngày 02/7/2012 và cháu Phạm Anh T4, sinh ngày 18/10/2015. Khi ly hôn, hai người thống nhất giao hai cháu T3 và cháu T4 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Kể từ tháng 04 năm 2018, hàng tháng anh T2 phải cấp dưỡng nuôi cháu T3 và cháu T4 mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/cháu/tháng cho đến khi cháu T3 và cháu T4 đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán cho người được thi hành án số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án một khoản lãi suất theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngô Ánh T1 đồng ý chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 675.000đ (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013463 ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y. Hoàn trả lại cho chị Ngô Ánh T1 số tiền 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X(1);
- CC THADS huyện X(1);
- Các đương sự(2);
- UBND xã B, huyện X, tỉnh Y(1)
- Lưu (HS, AV)(2);

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Na